CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính và báo cáo biến động vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Huỳnh Kim Thông	Chủ tịch
Bà Huỳnh Kim Tới	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hóa	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Giang	Thành viên

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần/(Lỗ) sau thuế	(664.760.499)	(2.296.612.005)
Lợi nhuận/(Lỗ) để lại cuối kỳ	(664.760.499)	(2.296.612.005)
Lợi nhuận/(Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ	(71.840.748.925)	(71.175.988.426)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ý KIẾN

Ban Giám Đốc nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

KTVN AUDIT&ADVISORY

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT
VIET NHAT AUDITING COMPANY LIMITED
50C9 Road 11 Mieu Noi, Ward 02, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (+84) 83517 8670 Fax: (+84) 83517 4803 Website: www.vietnhataudit.com

Số: 182c/HDKT2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc**

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nam An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Nam An, được lập ngày 03/03/2014, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT
VIET NHAT AUDITING COMPANY LIMITED
50C9 Road 11 Mieu Noi, Ward 02, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (+84) 83517 8670 Fax: (+84) 83517 4803 Website: www.vietnhataudit.com

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Nam An tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT

Giám Đốc	**Kiểm toán viên**
Nguyễn Nhân Bào	**Phan Thị Thủy Tiên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0413-2013-088-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0360-2013-088-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**67.351.969.016**	**67.122.255.525**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4.1**	**66.414.332.024**	**64.222.872.916**
1. Tiền	111		66.414.332.024	2.722.872.916
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	61.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**4.2**	**876.840.600**	**2.277.483.600**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		876.840.600	2.611.354.145
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(333.870.545)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**4.3**	**29.664.369**	**557.654.071**
1. Phải thu khách hàng	131		-	510.005.806
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	47.648.265
5. Các khoản phải thu khác	138		29.664.369	-
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**31.132.023**	**64.244.938**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.890.514	64.003.479
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.241.509	241.459

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.945.286.650**	**2.238.565.991**
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**1.589.819.249**	**1.903.098.590**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**4.4**	1.152.770.361	1.301.216.368
- Nguyên giá	222		5.481.286.470	5.400.506.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.328.516.109)	(4.099.290.102)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	**4.5**	417.048.888	601.882.222
- Nguyên giá	228		1.647.556.000	1.647.556.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.230.507.112)	(1.045.673.778)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		20.000.000	-
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**355.467.401**	**335.467.401**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		20.000.000	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	262	**4.6**	182.593.401	182.593.401
4. Tài sản dài hạn khác	268	**4.7**	152.874.000	152.874.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**69.297.255.666**	**69.360.821.516**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**1.138.004.591**	**536.809.942**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**4.8**	**1.138.004.591**	**536.809.942**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		158.000.000	158.000.000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		686.680.860	55.637.710
5. Phải trả người lao động	315		-	2.700.000
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		242.842.699	278.117.133
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	42.355.099
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		50.481.032	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	**400**		**68.159.251.075**	**68.824.011.574**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**4.9**	**68.159.251.075**	**68.824.011.574**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		140.000.000.000	140.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(71.840.748.925)	(71.175.988.426)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**69.297.255.666**	**69.360.821.516**

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		-	-
6. Chứng khoán lưu ký		3.593.218.100	3.816.523.200
6.1 Chứng khoán giao dịch		3.405.934.100	3.713.171.200
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		187.284.000	877.536.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		-	-
7.Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hang		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đấu giá		-	-

S.Q.Đ: 51 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Huỳnh Kim Thông Chủ tịch Hội đồng quản trị *Ngày 03 tháng 03 năm 2014*
Nguyễn Phúc Nguyên	Nguyễn Phúc Nguyên	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	**01**	**5.1**	**2.967.353.161**	**2.204.962.651**
Trong đó				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	**01.1**		73.898.305	74.570.214
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	**01.2**		708.282.100	771.407.000
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	**01.3**		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	**01.4**		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	**01.5**		2.100.000.000	1.200.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	**01.6**		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá	**01.7**		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	**01.8**		-	-
- Doanh thu khác	**01.9**		85.172.756	158.985.437
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	**10**		**2.967.353.161**	**2.204.962.651**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	**11**	**5.2**	**443.140.657**	**1.265.949.358**
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	**20**		**2.524.212.504**	**939.013.293**
6. Chi phí quản lý	**25**	**5.3**	**3.189.034.634**	**3.237.459.533**
7. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	**30**		**(664.822.130)**	**(2.298.446.240)**
8. Thu nhập khác	**31**		**61.631**	**1.834.235**
9. Chi phí khác	**32**		-	-
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**61.631**	**1.834.235**
11. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**(664.760.499)**	**(2.296.612.005)**
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**		-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**		-	-
14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**(664.760.499)**	**(2.296.612.005)**

Nguyễn Phúc Nguyên

Người lập biểu

Nguyễn Phúc Nguyên

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 03 tháng 03 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	**01**		(664.760.499)	**(2.296.612.005)**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		414.059.341	446.890.386
Các khoản dự phòng	03		(333.870.545)	328.259.600
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(584.571.703)**	**(1.521.462.019)**
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		517.989.652	(65.996.901)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho,đầu tư ngắn hạn	10		-	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		601.194.649	(359.750.379)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		23.112.965	63.078.013
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	9.183.541
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**557.725.563**	**(1.874.947.745)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(100.780.000)	(1.666.501.100)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		1.734.513.545	(13.870.946.300)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	11.270.974.300
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**1.633.733.545**	**(4.266.473.100)**

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	2.600.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(2.600.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**2.191.459.108**	**(6.141.420.845)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**64.222.872.916**	**70.364.293.761**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**66.414.332.024**	**64.222.872.916**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Huỳnh Kim Thông Chủ tịch Hội đồng quản trị *Ngày 03 tháng 03 năm 2014*
Nguyễn Phúc Nguyên	Nguyễn Phúc Nguyên	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước 01/01/2012	Năm nay 01/01/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012		Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013		Năm trước 31/12/2012	Năm nay 31/12/2013
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu		140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000
Trong đó				-	-	-	-		
- Số lượng cổ phiếu phát hành		14.000.000	14.000.000	-	-	-	-	14.000.000	14.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu phát hành		10.000	10.000	-	-	-	-	10.000	10.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-		-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(68.879.376.421)	(71.175.988.426)	-	(2.296.612.005)	-	(664.760.499)	(71.175.988.426)	(71.840.748.925)
Cộng		**71.998.665.315**	**68.824.011.574**	-	(2.296.612.005)	-	**(664.760.499)**	**68.824.011.574**	**68.159.251.075**

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (NASC) được thành lập theo Quyết định số 79/UBCK-GP ngày 18/12/2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Các quyết định về việc sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi cổ đông sáng lập tại Quyết định số 315/UBCK-GP ngày 31/03/2010 và Quyết định số 272/UBCK-GP ngày 04/11/2009.

Trụ sở chính đặt tại 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

Vốn pháp định : 135.000.000.000 VND

Vốn điều lệ : 140.000.000.000 VND

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Hoạt động chính của công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng, kỳ kế toán và hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký sổ cái.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05

Thay đổi so với năm trước

Tài sản cố định được phân loại tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.Theo đó những tài sản nào không đủ điều kiện về giá trị sẽ được phân loại vào chi phí trả trước với thời gian phân bổ không quá 03 năm

3.5 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm :

Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán, Website, trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian trích khấu hao từ 03 – 05 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 293/9 đường Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8.

3.6 Các khoản đầu tư chứng khoán và Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Theo thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán .

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ .

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31/12/2013.

3.7 Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn bao gồm các khoản vật dụng văn phòng, chi phí kết nối, chi phí sửa chữa văn phòng .Các khoản chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với thời gian phân bổ từ 02 tháng đến 36 tháng

3.8 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

3.9 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên 7%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

3.10 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện :

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.12 Chi phí thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm		Số đầu năm
	VND		VND
Tiền mặt	654.226.359		2.278.007.001
Tiền gửi ngân hàng	72.915.118		202.640.712
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	349.190.547		242.225.203
Các khoản tương đương tiền	65.338.000.000	(*)	61.500.000.000
Cộng	**66.414.332.024**		**64.222.872.916**

(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng ở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – chi nhánh Quang Trung.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm
Chứng khoán sẵn sàng để bán			
Cổ phiếu			
Số lượng	50.162		139.772
Giá trị sổ sách	876.840.600		2.611.354.145
Tăng/(giảm) so với giá thị trường	25.365.600		(333.870.545)
Tổng giá trị theo giá thị trường	**902.206.200**	(*)	**2.277.483.600**

(*) Bao gồm

Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị sổ sách tại 31/12/2013		Giá thị trường tại 31/12/2013		Chênh lệch	
		Giá	Trị giá	Giá	Trị giá	Giá	Trị giá
SSI	50.000	17.500	875.000.000	18.000	900.000.000	(500)	(25.000.000)
ACB	12	16.300	195.600	15.600	187.200	700	8.400
SHB	70	5.900	413.000	6.900	483.000	(1.000)	(70.000)
BCI	80	15.400	1.232.000	19.200	1.536.000	(3.800)	(304.000)
Cộng	**50,162**		**876.840.600**		**902.206.200**		**(25.365.600)**

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	510.005.806
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	47.648.265
Các khoản phải thu khác	29.664.369	-
Cộng	**29.664.369**	**557.654.071**

4.4 Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.289.081.100	3.930.853.172	180.572.198	5.400.506.470
Tăng trong năm		80.780.000		80.780.000
Mua sắm		80.780.000		80.780.000
Số dư cuối năm	1.289.081.100	4.011.633.172	180.572.198	5.481.286.470
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	3.918.717.904	180.572.198	4.099.290.102
Tăng trong năm	214.846.850	14.379.157		229.226.007
Khấu hao	214.846.850	14.379.157		229.226.007
Số dư cuối năm	214.846.850	3.933.097.061	180.572.198	4.328.516.109
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.289.081.100	12.135.268		1.301.216.368
Số dư cuối năm	1.074.234.250	78.536.111		1.152.770.361

4.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Website	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	314.420.000	1.248.936.000	84.200.000	1.647.556.000
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trongnăm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	314.420.000	1.248.936.000	84.200.000	1.647.556.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	972.700.445	72.973.333	1.045.673.778
Khấu hao trong năm	-	173.606.668	11.226.667	184.833.334
Giảm trong năm	-	173.606.668	11.226.667	184.833.334
Số dư cuối năm	-	1.146.307.113	84.200.000	1.230.507.112
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	314.420.000	276.235.555	11.226.667	601.882.222
Số dư cuối năm	314.420.000	102.628.887	-	417.048.888

4.6 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	-	-
Tiền lãi phân bổ hàng năm	62.593.401	62.593.401
Cộng	**182.593.401**	**182.593.401**

4.7 Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ký quỹ thuê văn phòng ở số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	152.874.000	152.874.000
Cộng	**152.874.000**	**152.874.000**

4.8 Nợ ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm
	VND		VND
Phải trả người bán	158.000.000	(a)	158.000.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	686.680.860	(b)	55.637.710
Phải trả người lao động	-		2.700.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	242.842.699	(c)	278.117.133
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	50.481.032		42.355.099
Cộng	**1.138.004.591**		**536.809.942**

(a) Chủ yếu là phải trả cho ông Phan Thanh Tùng về việc mua quyền sử dụng đất với số tiền là 150.000.000 VND.

(b) Bao gồm

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	158.215.367	-
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	2.282.190	5.879.770
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	526.183.303	49.757.940
Cộng	**686.680.860**	**55.637.710**

(c) Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là các khoản phải trả cho nhà đầu tư về việc bù trừ giao dịch chứng khoán.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	(68.879.376.421)	71.120.623.579
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm		(2.296.612.005)	(2.296.612.005)
Số dư cuối năm trước	140.000.000.000	(71.175.988.426)	68.824.011.574
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm		(664.760.499)	(664.760.499)
Số dư cuối kỳ	140.000.000.000	(71.840.748.925)	68.159.251.075

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép thành lập số 272/UBCK-GP ngày 04/11/2009, vốn điều lệ của Công ty là 140.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ, danh sách cổ đông như sau :

	Vốn thực tế đã góp			
	31/12/2013	Tỷ lệ	31/12/2012	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	20.250.000.000	14	20.250.000.000	14
Trần Hồng Văn	39.750.000.000	28	39.750.000.000	28
Các cổ đông khác	60.000.000.000	58	60.000.000.000	58
Cộng	**140.000.000.000**	**100**	**140.000.000.000**	**100**

Cổ phiếu

	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.000.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu môi giới chứng khoán	73.898.305	74.570.214
Doanh thu tư vấn	2.100.000.000	1.200.000.000
Doanh thu tự doanh	708.282.100	771.407.000
Doanh thu khác	85.172.756	158.985.437
Cộng	**2.967.353.161**	**2.204.962.651**

5.2 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	247.398.722	233.180.309
Chi phí nhân viên	-	271 592 000
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	328.259.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.741.935	430 050 386
Chi phí bằng tiền khác	10.000.000	2 867 063
Cộng	**443.140.657**	**1.265.949.358**

5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.113.295.960	1.251.605.033
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.282.923	67.425.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.317.406	16.840.000
Thuế, phí và lệ phí	18.465.039	19.741.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	527.361.896	643.538.523
Chi phí bằng tiền khác	1.255.311.410	1.238.308.640
Cộng	**3.189.034.634**	**3.237.459.533**

5.4 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
- Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(664.760.499)	(2.296.612.005)
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế		
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả định rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty không bị ảnh hưởng. Mặc dù đến ngày kết thúc kỳ tài chính 31/12/2013, số lỗ lũy kế của công ty là **(71.840.748.295)VND** chiếm **51%** vốn điều lệ.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng sẽ tiếp tục hỗ trợ khi cần thiết nhằm đảm bảo giúp Công ty duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai có thể dự kiến.

6.2 Các bên liên quan

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty

Tên bên liên quan	**Mối quan hệ**
Bà Huỳnh Kim Thông	Chủ tịch HDQT

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối năm
	VND
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-

6.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

Nguyễn Phúc Nguyên	Nguyễn Phúc Nguyên	**Huỳnh Kim Thông**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**
		Ngày 03 tháng 03 năm 2014